

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 12 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Văn Chánh

- Bà Hà Thị Thuyết

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Hữu Đ - Sinh năm 1977, xã B, huyện T, tỉnh Th; Nơi cư trú: Thôn Tr, xã B, huyện T, tỉnh Th;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lê Hữu Đ sinh năm 1952 và bà Lê Thị Kh sinh năm 1953; Vợ Phạm Thị Th sinh năm 1983 (đã ly thân) có 03 con.

Tiền án: 01: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 (tám) tháng tù giam. Đến ngày 30/9/2015 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Quá trình xác minh việc chấp hành đối với bản án số: 44/2015/HSST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương bị cáo Lê Hữu Đ chưa thi hành nộp phần án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Quan Hóa. Có mặt

- *Bị hại:* chị Hà Thị H - sinh năm 1989. Hiện đang trú tại bản Đ, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th. Vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 28/6/2020 chị Hà Thị H. Sinh năm 1989. Trú tại: Bản Đ, xã Ph huyện Q đi làm đồng về nhà và dựng xe máy biển kiểm soát 36H5 - 06781 loại xe Wave α màu xanh để dưới sân nhà sàn của nhà mình, chị H không rút chìa khóa xe máy. Sau khi ăn cơm tối xong thì chị cùng gia đình đi ngủ. Đến khoảng 04h30 phút sáng chị H dậy và phát hiện chiếc xe máy đã bị kẻ gian trộm cắp. Chị H đã cùng gia đình điện thoại báo cáo cơ quan chức năng để truy tìm chiếc xe máy bị trộm cắp.

Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa, Công an thị trấn H cùng quần chúng nhân dân phát hiện một nam giới đang điều khiển một xe máy đi theo hướng từ xã Ph ra khu vực ngã 3 thuộc khu 7, thị trấn H, huyện Q. Lực lượng Công an đã ra tín hiệu chặn dừng xe và yêu cầu người điều khiển xe dừng lại. Người nam giới khai tên là: Lê Hữu Đ, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn Tr, xã B, huyện Th, tỉnh T. Thu giữ 01 xe máy biển kiểm soát 36H5-067.8, màu Xanh-Đen-Bạc, nhãn hiệu HODA vừa bị bắt lại, Đ: Đây là xe vừa trộm cắp mà có nhưng không biết là nhà ai, sau khi trộm cắp được Đ tìm đường ra ngoài đường Quốc lộ 15A thì bị bắt giữ; thu 01 vạm phá khóa xe, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng, không lắp sim, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động NOKIA đã bị vỡ do quá trình vật lộn khi bắt giữ. Sau đó, lực lượng công an đã đưa đối tượng Lê Hữu Đ về trụ sở Công an huyện Quan Hóa lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ các vật đã thu của Lê Hữu Đ theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Lê Hữu Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 14h ngày 28/6/2020 Đ đi xe khách huyện Th lên huyện Q chơi thăm bạn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Đ xuống xe khách tại đầu Cầu N, thuộc thị trấn H, huyện Q. Sau khi xuống xe một lúc thì Đ được một người bạn tên H (là bạn từng đi chấp hành án trước đó cùng với Đ) chở đi vào Hồ Vinh Quang, thuộc bản V, xã Ph chơi (sau khi bị bắt Đ mới biết). Quá trình ăn uống rượu nói chuyện tại bờ hồ Vinh Quang thì người tên H nói với Đ: “Trước đây ra trại từng đi làm phụ hồ xây dựng với nhau, anh còn nợ em 2.000.000đ (hai triệu đồng), giờ anh lên đây xe máy của người dân họ để sơ hở lắm, anh lấy cho em một cái em trừ nợ cho, em sẽ đưa thêm cho anh hai triệu nữa để bắt xe về”. Đồng thời người tên H đưa cho Đ một gói

thuộc lá hiệu Thăng Long, bên trong là một vạm phá khóa xe máy. Đến khoảng 11h30 phút cùng ngày người tên H bỏ đi và hẹn gặp Đ tại Cầu N, thị trấn H sau khi tìm trộm cắp được xe, còn Đ thì say rượu và nằm trên bờ hồ Vinh Quang.

Đến khoảng hai giờ sáng ngày 29/6/2020 Đ ngủ dậy và đi bộ để tìm đường về, đồng thời tìm xe để trộm cắp, quá trình đi bộ khoảng hơn 1h đồng hồ Đ phát hiện qua điện sáng của đường có một nhà dân dựng ba chiếc xe máy ngay tại phía trước cổng ra vào nhà sàn không có người trông coi, trong đó có một chiếc xe màu xanh Wave α có chìa khóa cắm sẵn. Đ liền dắt xe ra, một mình ngồi lên và quay đầu nổ máy điều khiển xe đi theo hướng từ xã Ph ra cầu N, thị trấn H. Khi Đ điều khiển xe đi đến gần đầu cầu Ni thì bị quần chúng nhân dân và lực lượng công an bắt quả tang thu giữ xe và vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại bản kết luận số: 05/HĐĐGTS ngày 30/6/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Hóa kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 36H5-067.81, màu Xanh-Đen-Bạc; nhãn hiệu HODA; Số khung 3905 HY155212; Số máy: JA 39B0155270, đã qua sử dụng có giá trị bằng tiền là: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng chẵn).

Về vật chứng của vụ án gồm:

- 01(một) vạm phá khóa bằng kim loại, hình chữ L, phần tay cầm dài 10,8 cm, đầu vạm nối liền với một thanh kim loại dài 7,5cm.
- 01(một) điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động, hiệu IPHONE, màu trắng-bạc, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng.
- Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H5-067.81, màu Xanh-Đen-Bạc loại xe Waxe α là tài sản hợp pháp của chị Hà Thị H. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa đã trả lại tài sản cho chị Hà Thị H.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô nêu trên bị hại chị Hà Thị H không yêu cầu gì đối với bị cáo Lê Hữu Đ.

Quá trình điều tra về nhân thân bị cáo Lê Hữu Đ xác định:

- Tại bản hình sự số: 248/2011/HSST ngày 27/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt Lê Hữu Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản trộm cắp (xe máy) là: 10.045.000đ (mười triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)(kết luận định giá tài sản); Bản án hình sự phúc thẩm số: 39/2012/HSPT ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm hình sự số: 248/2011/HSST ngày 27/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát.

Tại công văn số: 60/ GCN-CHXHPT ngày 25/01/2013 của Trại giam Tổng Lê Chân, Tổng cục 8 chứng nhận Lê Hữu Đ chấp hành xong án phạt tù và trở về nơi cư trú địa phương sinh sống (bút lục số: 88)

- Ngày 30/01/2015 Lê Hữu Đ thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, giá trị (01 con chó) giá trị tại thời điểm trộm cắp là: 768.000đ (bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng), qua kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Tại bản án hình sự số: 44/2015/HSST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương áp dụng khoản 1, điều 138 Bộ luật hình sự; Điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Hữu Đ 08 (tám) tháng tù giam. Đến ngày 30/9/2015 Lê Hữu Đ chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống theo giấy chứng nhận số: 500/GCN ngày 30/9/2020 của cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Bình Dương

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận định giá.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSQH- HS ngày 19 tháng 10 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Lê Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h, khoản 1 điều 52; điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ từ 18 đến 24 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2020.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý về án phí, vật chứng.

Trong vụ án này còn có người tên H là người trực tiếp rủ rê và đưa vam phá khóa để Đ đi trộm cắp xe máy. Đ chỉ biết người này tên H không biết họ tên đầy đủ, năm sinh, địa chỉ nơi ở cụ thể ở đâu. Hiện cơ quan điều tra Công an huyện Quan Hóa đang mở rộng điều tra vụ án, nếu phát hiện sẽ xử lý bằng một vụ án hình sự khác.

Ý kiến của đại diện bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị

cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2015/HSST ngày 19/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” áp dụng khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999, hiện bị cáo Đ chưa được xóa án tích do chưa thi hành nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân; không chịu tích cực cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân được pháp luật bảo vệ; làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; gây hoang mang, phần nộ trong quần chúng nhân dân. bị cáo ý thức rõ được hành vi của mình bị pháp luật ngăn cấm, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h, khoản 1 điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn bị cáo nuôi mẹ già yếu, bố ông Lê Hữu Đ bệnh tật đang được hưởng chế độ tàn tật và hai con còn nhỏ đang độ tuổi ăn học. Từ đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt chính:* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại

khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn do đó không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về bồi thường dân sự*: Bị hại không có yêu cầu gì HĐXX miễn xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 vạm phá khóa và 01 điện thoại hiệu NOKIA bàn phím đã qua sử dụng, bị cáo dùng để liên lạc với Hậu. Là công cụ phương tiện phạm tội, tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động hiệu IPHON là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo. Áp dụng điểm a, khoản 1 điều 47 BLHS; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3 điều 106 BLTTHS.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 1 điều 47 BLHS; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên*: Bị cáo **Lê Hữu Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. *Xử phạt*: Bị cáo Lê Hữu Đ 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/6/2020.

3. Xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa và 01 điện thoại hiệu NOKIA bàn phím đã qua sử dụng,

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Hữu Đ 01 điện thoại di động hiệu IPHON.

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản gia nhận vật chứng giữa Cơ quan

cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa lập ngày 14/10/2020.

4. *Về án phí*: Bị cáo Lê Hữu Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Thanh Hóa;;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thị Mai